

TINH THẦN DUNG HỢP CỦA THIÊN HỌC TRÚC LÂM THỜI TRẦN

Đặng Thị Đông (Thích nữ Viên Giác)¹

TÓM TẮT

Thời Trần là triều đại huy hoàng, đánh dấu bước ngoặt căn bản trong tư duy, nhận thức của người Việt. Phật giáo thời này được coi là quốc đạo. Phật giáo Trúc Lâm chủ trương dung hợp Nho - Phật - Lão, với các tín ngưỡng dân gian và dung hợp giữa các pháp môn tu, thể hiện tinh thần vô ngã, vô chấp, siêu xuất của Thiên tông. Với đặc tính dung hòa, tư tưởng thiên học của Thiên phái Trúc Lâm thời Trần đáp ứng được căn cơ quảng đại quần chúng; mục đích là để tìm ra tiếng nói chung, góp phần ổn định về tư tưởng, cố kết được toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong bối cảnh thời đại, đáp ứng yêu cầu lịch sử, xây dựng đất nước Đại Việt độc lập tự chủ trên mọi lĩnh vực. Tinh thần thiên học Trúc Lâm tiếp thu và ảnh hưởng từ trong thiên tông Đại thừa, thiên học trước đó, song đã có sự sáng tạo, mà vẫn căn bản giữ được cốt tủy của Phật giáo.

Từ khóa: Phật giáo Trúc Lâm, dung hợp, Nho - Phật - Lão, Thiên - Tịnh - Mật, vô ngã, Thiên tông, thời Trần, phát triển.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là dân tộc có nền văn hóa phong phú, tiếp thu tư tưởng bên ngoài nhưng đều được bản địa hóa cho phù hợp. Phật giáo Trúc Lâm chủ trương dung hợp Nho - Phật - Đạo, với các tín ngưỡng dân gian và dung hợp giữa các pháp môn tu, thể hiện tinh thần vô ngã, vô chấp, siêu xuất của thiên tông. Với đặc tính dung hòa, tư tưởng thiên học của Thiên phái Trúc Lâm thời Trần đáp ứng được căn cơ quảng đại quần chúng. Mục đích dung hợp là để tìm ra tiếng nói chung, góp phần ổn định về tư tưởng, chính trị, cố kết được toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong bối cảnh thời đại, đáp ứng yêu cầu lịch sử, xây dựng đất nước Đại Việt độc lập tự chủ trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động.

Thiên phái Trúc Lâm ra đời dựa trên các điều kiện của hoàn cảnh bấy giờ đòi hỏi phải thay đổi phương thức sinh hoạt. Tinh thần Thiên học Trúc Lâm tiếp thu và ảnh hưởng từ trong thiên tông Đại thừa, thiên học trước đó, song đã có sự sáng tạo, ứng dụng hài hòa trong bối cảnh của đất nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển tiến bộ của lịch sử tư tưởng dân tộc, văn hoá dân tộc, hình thành tính cách dân tộc, chống đồng hoá; mà vẫn căn bản giữ được cốt tủy của Phật giáo; nhập thế, hòa quang đồng trần, dung hợp giữa đạo và đời, các thiền sư thời Trần vừa chuyên tu thiền, vừa phụng sự nhân sinh.

¹ Tiến sĩ Văn học Việt Nam; NCS Phật học, K2, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội;
Email: hanhnguyenthichnu87@gmail.com

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Dung hợp Tam giáo Nho - Lão - Phật/Nho - Đạo - Phật

Tinh thần dung hợp thể hiện ở sự thống nhất *Tam giáo đồng nguyên* (dung hợp Nho - Lão - Phật), vượt qua nhị kiến đối đãi. Phật giáo nói “Tức tâm tức Phật” (Phật tại tâm), Nho giáo nói “Thiên Mệnh chi vị tính” (Tính ấy chính là Thiên Mệnh), Đạo giáo - Trang Tử nói “Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất” (Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu), đều có sự dung thông. Có thể hiểu thiên vừa là một tôn giáo, vừa là một thái độ sống. “Sanh tử nhân nhi dĩ” (sống chết là lẽ thường mà thôi) của Tuệ Trung mang hơi hướng Nho - Lão - Phật. Tuệ Trung “trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật để dằn cởi bỏ những vướng mắc câu chấp, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý” [12; tr.8-9].

Tinh thần dung hòa của Thiền phái Trúc Lâm còn ảnh hưởng từ *Thuyết Tam Ban* của thiền sư Ngô Ấn với tư tưởng nhất thừa, hư không diệu hữu của *kinh Pháp Hoa* và *kinh Viên Giác*, tạo nên giá trị từ bi và trí tuệ song hành. Thiền sư Ngô Ấn nói: “Đức Vô thượng Pháp vương ở thân là Phật, ở miệng là Pháp, ở tâm là Thiền. Tuy là ba ban nhưng đều quy về một mối, cũng ví như nước của ba nhánh sông, tùy địa phương gọi khác nhau nhưng tính chất của nước là một” [9; tr.377]. “Có thể coi *thuyết Tam Ban* của Ngô Ấn là một chủ trương “tri hành hợp nhất” đặc sắc của Thiền học Lý - Trần, vì đã thể hiện tư tưởng quân bình tuyệt đối và độc đáo của dân tộc đang muốn dung hòa các mâu thuẫn lúc bấy giờ” [9; tr.379].

Thời Trần, tiếp tục duy trì tinh thần giáo dục *Tam giáo đồng nguyên* có từ trước đó, giáo dục thời Trần thi cả ba đạo này. Năm 1272 vua Trần Khâm tìm người tài giỏi, thông hiểu kinh sách, có thể giảng bàn ý nghĩa của *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, mời vào hầu vua đọc sách; tiếp nhận “ảnh hưởng của Lão Trang và những tư tưởng đặc biệt, sáng suốt của dân tộc Việt Nam trong điều kiện sống riêng của mình” [17; tr.4]. Trong mối quan hệ *Tam giáo*, Phật giáo đòi Trần giữ vai trò chủ đạo nhưng chính Nho giáo mới được dùng để sắp xếp bộ máy lãnh đạo quốc gia, hai đạo này được kết hợp hài hòa nhằm tạo ra sự phát triển phù hợp với yêu cầu lịch sử. Nhờ dung hợp được với *Tam giáo*, thiền học thời Trần mang tinh thần nhập thế tích cực, không gây đối kháng, tạo lục hòa giữa đại chúng.

Hòa quang đồng trần vốn được xuất phát từ tư tưởng Lão giáo, đến thời Trần, sự dung hợp Nho - Lão - Phật trở thành một lẽ tự nhiên, thể hiện tư tưởng phá chấp và thể nhập của Thiền tông. Trong tính tương đồng và thống nhất, nhiều thuật ngữ Nho giáo và Lão giáo cũng được dùng làm phương tiện chuyển tải Phật học, đáp ứng căn cơ quảng đại quần chúng, phù hợp với văn hóa và nếp nghĩ của nhân dân Đại Việt. “Phật pháp tại thế gian không lia thế gian mà giác ngộ”, tư tưởng *Hòa quang đồng trần* của Tuệ Trung Thượng Sĩ đã ảnh hưởng đến thuyết *Cư trần lạc đạo* của Trần Nhân Tông. Thực ra, tư tưởng này cũng đã được các thiền sư thời trước như Diệu Nhân, Ý Lan đời Lý đề cập, đến Tuệ Trung Thượng Sĩ lại được hệ thống hóa và có luận lý cụ thể. Tinh thần này cũng được phát triển mạnh từ thời vua Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông kế thừa. Tư tưởng này cũng chính là bắt nguồn từ tinh thần “*tùy tục*” của Thiền sư Thường Chiếu, khi cho rằng hành giả làm đạo giữa cuộc đời nhưng hòa mà không đồng. *Tùy tục* mà không phải là *tùy tiện*, trộn lẫn mà không hòa, tùy duyên bất biến, linh hoạt uyển chuyển, lấy chân như bản thể làm gốc. Thiền phái Trúc Lâm đã xiển dương sâu sắc hơn tinh thần *Hòa quang đồng trần* và biến thành cuộc sống đạo, thực thi giữa trần tục.

Khảo sát văn học thời Trần cũng thấy tinh thần *Hòa quang đồng trần* bao trùm. Dung hợp do nhận rõ mỗi cá nhân cũng không thể tách rời cộng đồng, là tinh thần duyên khởi, sinh tử niết - bàn là một, Thánh phàm đồng cư, phiền não là bồ - đề: “涅槃生死漫羅籠 (Niết bàn sanh tử chẳng buộc ràng)/ 煩惱菩提閑對敵 (Phiền não Bồ-đề không đối nghịch) - *Phật tâm ca*” [5; tr.291-295]. “Trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật dễ dàng coi bỏ những vướng mắc câu chấp, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý” [12; tr.8-9]. Tiếp thu dung hợp, tư tưởng thiền học của Tuệ Trung phá chấp, “khác lạ”, hấp dẫn, mang tính hài hòa, tự tại, phụng sự. Tinh thần *Hòa quang đồng trần*, dung hợp Nho - Phật - Đạo đã được Tuệ Trung đề cập đến rất nhiều trong tác phẩm *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, ví dụ bài *Phóng cuồng ngâm*: “饑則食兮和 羅飯 (Đói thì ăn chừ, cơm bồ thí)/ 困則眠兮何有鄉 (Mệt thì ăn chừ, chốn không làng)/ 興時吹兮無孔笛 (Lúc hứng thổi chừ, sáo không lỗ)/ 靜處焚兮解脫香 (Nơi thanh tịnh đốt chừ, giải thoát hương) [17; tr.304].

Các thiền sư thời Trần đã thấy được tầm quan trọng của dung hợp *Tam giáo* Nho - Phật - Đạo đem lại sự bình đẳng tự tánh. Trong chân như, thể - tướng - dụng đều trọn vẹn trong một bản thể. Các thiền sư đã khéo léo đem tư tưởng Thiền hòa vào Đạo Lão và Nho giáo, tạo nên sự phóng khoáng của thiền mà nội dung giác ngộ chân như thực tánh không thay đổi. Vì “trên cơ sở bình đẳng vô sai biệt đối với vạn pháp của nhà Phật dễ dàng coi bỏ những vướng mắc câu chấp, nhị nguyên và sống trọn vẹn với chân lý” [12; tr.8-9].

Dung hợp không phải là cào bằng, đó là tinh thần thể nhập, vô trụ, vô chấp, kiến tánh của thiền tông. Cho nên, “điểm đáng chú ý là quan điểm nhận thức mang màu sắc chủ nghĩa tương đối đó đã không dẫn Tuệ Trung đến sự phủ định hư vô chủ nghĩa. Mà ngược lại, dường như nhờ nó, ông bỏ mọi ràng buộc trong nếp nghĩ cũng như trong nếp sống” [3; tr. 240]. Do không câu nệ vào hình thức mà Phật giáo được ứng dụng siêu xuất vào cuộc đời, *Hòa quang đồng trần* giữa cõi đời sắc - không. Trong tinh thần dung hợp *Tam giáo*, các thiền sư thời Trần đã sống tùy duyên tự tại, hoàn thành xuất sắc vai trò vị trí một vị vua hay quan trọng trách của triều đình; một Phật tử, một công dân chân chính.

2.2. Dung hợp giữa các pháp tu Thiền - Tĩnh - Mật và tín ngưỡng bản địa

Thiền học thời Trần đã “kế thừa thiền tông thời Lý, dung hòa cả Thiền và Tịnh độ, cả đốn ngộ và tiệm ngộ; truyền đạo vừa bằng công án hiểm hóc vừa bằng sự diễn giảng tỏ rõ và chí thiết, phân nào đi ra ngoài truyền thống “vô ngôn” của Thiền. Tinh thần này mở đầu với Trần Thái Tông và được kế tiếp bởi Tuệ Trung” [18; tr.4]. Dung hòa cũng là phù hợp với lời Phật dạy khi xác quyết giáo pháp chỉ là phương tiện, ngôn ngữ và hình tướng chỉ là hữu vi giả hợp, quan trọng phải thấy ra tánh, thấy ra bản thể chân như vô phân biệt: “Tỳ kheo các ông hãy biết Ta nói pháp như dụ chiếc bè, pháp còn phải bỏ, huống nữa phi pháp” [10; tr.170]. Thiền - Tĩnh - Mật nhờ dung hợp mà các pháp môn không chống trái, hành giả có thể ứng dụng và tu tập trong mọi hoàn cảnh, tất cả đều giúp phát huy cao độ chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, sáng suốt, thiện pháp; nhờ dung hợp mà con người có thể ứng dụng hành trì Phật pháp ở mọi hoàn cảnh, cốt yếu chỉ cần làm sạch tâm; vì “những việc như nói năng, im lặng, động tĩnh đều là Phật pháp, ăn uống ngủ thức đều là Phật pháp” [9; tr.370]. Phương thức và

các công án thiền của Thiền phái Trúc Lâm như đánh, mắng, la hét, im lặng, đều rất phong phú nhưng vẫn thống nhất, vì các phương tiện thiền sư sử dụng không ngoài mục đích giác ngộ cho đệ tử. Nhờ tinh thần dung hợp các pháp tu mà Phật giáo thời Trần sống động, phong phú, phổ quát, bất cứ ai cũng có thể ứng dụng đời sống thiền, “không phân biệt sống ở đời hay ẩn mình trong rừng, không phân biệt xuất gia hay tại gia, chỉ cốt biện tâm” [18; tr.62-65].

Tinh thần thiền học của Thiền phái Trúc Lâm luôn có sự kế thừa và phát triển, phù hợp với giáo lý Phật và tinh thần thiền tông; ở đời mà vui với đạo là cuộc sống thiền: “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên/ Cơ tắc xan hề khốn tắc niên/ Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch/ Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (Cư trần vui đạo hãy tùy duyên/ Đối cảnh ăn no, mệt ngủ liền/ Bảo sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm/ Vô tâm trước cảnh hỏi gì thiền” [5; tr.90-91]. Thiền học Trúc Lâm được vận dụng uyển chuyển nhưng vẫn thống nhất, hòa hợp; giữ được bản chất Phật giáo mà vẫn không bị ràng buộc bởi phương tiện chữ nghĩa; phù hợp với mọi căn cơ tăng tục, phù hợp mọi địa phương, mọi hoàn cảnh. Điểm đặc biệt sáng tạo trong tu tập của Trần Thái Tông là kết hợp cả *Thiền định* và *Niệm Phật*, là yếu chỉ *Thiền - Tĩnh song tu*, và cả sự dung hợp giữa *Thiền - Tĩnh - Mật*. Những bài kệ thơ của Tuệ Trung như *Sinh tử nhàn nhi dĩ, Phóng cuồng ngâm...* đã thể hiện rõ đặc điểm này. Trần Nhân Tông trong “*Xuân vãn*” cũng cho thấy tư tưởng bình đẳng giữa tâm với pháp (Tâm pháp nhất như), dung hợp các pháp môn, biện tâm, uyển chuyển linh động: “*Tuổi trẻ chưa tường lẽ sắc không/ Xuân sang hoa nở, rộn tơ lòng/ Chúa xuân nay đã thành quen mặt,/ Nệm cỏ ngồi yên, ngó rặng hồng*” [9; tr.376].

Thiền tông thời Trần còn hài hòa *giáo - thiền*, chủ trương bên ngoài nên dứt các duyên, trong tâm không dao động, động-tĩnh là một, phá bỏ nhị nguyên, khái niệm, không phụ thuộc vào kiến giải, *giới - định - tuệ* tự tròn đầy trong bản thể chân như, *tục đế - chân đế* như hoa sen trong bùn, như sóng không lìa nước, vượt qua chấp trước phân biệt, không đối kháng, để tâm bình yên cho Phật tính hiển lộ; như trong bài *Xuất trần*, Tuệ Trung Thượng Sĩ viết:

曾微物慾役勞軀	Từng do vật dục khiến lao thân
擺灑塵囂世外遊	Gạt bỏ trần duyên khiến nhẹ lâng
撒手那邊超佛祖	Buông lỏng tay ra siêu Phật, Tổ
一回抖擻一回休	Mỗi lần phất chần lại lần khôn

(Xuất trần) [6; tr.437]

Với tinh thần dung hợp các pháp tu, Thiền phái Trúc Lâm không còn phân biệt Tăng tục, nam nữ; bất cứ thành phần nào trong xã hội ai cũng có thể tu thiền, “chỉ cốt yếu biện tâm”. Tinh thần Thiền phái không chú trọng tụng niệm hay xuất gia mà quan trọng ở việc khai mở được trí tuệ bát - nhã; cho rằng sinh tử niết - bàn là một, Thánh phàm đồng cư, phiền não là bồ - đề; tất cả đều từ tâm mà hiện khởi, đều vốn lưu xuất trong tự tánh Như Lai Tạng: “*涅槃生死漫羅籠 (Niết bàn sanh tử chẳng buộc ràng), 煩惱菩提閑對敵 (Phiền não Bồ đề không đối nghịch)*” (Phật tâm ca) [6; tr.291-295]. Có được quan điểm dung hợp hài hòa này do Thiền phái lấy tinh thần kiến tánh làm chủ đạo, lìa ngôn thuyết, lìa tướng hữu vi: “*Phật dữ chúng sinh đò nhất diện*” (Phật với chúng sinh không khác) (“*Thượng sĩ ngữ lục*” - Tuệ Trung Thượng Sĩ) [18; tr.285]. Thiền tông thời Trần cho thấy mê thì không thể nhận ra tánh giác, xiển dương Phật ở trong tâm: “người tu hành có thể sống một cuộc đời trần tục, một cách tự do không hề bị ước thúc bởi một quy định nào của giới luật nhà chùa kể cả việc ăn chay, niệm Phật, trì giới nhẫn nhục và toạ thiền, vì họ thực hiện sự kiến tánh thành Phật ngay trong cuộc

sống trần tục” [3; tr.231]. Và trong “phàm thánh bất dị”, phá chấp là để xóa bỏ ranh giới nhị nguyên, như Trần Thái Tông phát biểu: “Phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng tỏ lẽ tử sinh ấy là đại giáo của Đức Phật. Đặt mục thước cho hậu thế; làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh) [18; tr.26]. Vì “Phật tại tâm”: “Xưa nay không bản, sạch/ Pháp thân không vướng mắc/ Nào “trọc” với nào “thanh!” [3; tr. 318]. Thiền - Tịnh - Mật cũng từ nơi tâm, “bản, sạch” là do con người quan niệm, đạo thì bản sạch là một; do mê chấp mà đối đãi phân biệt. Suy cho cùng thì “sắc” và “không” cũng chỉ là những ảo giác, do tâm vọng, do nhị kiến mà ra: “*Sắc tức là không, không tức sắc/ Ba đời chư Phật quyền biến đặt/ Không vốn không sắc, sắc không không*” [3; tr.249].

Phật giáo với hơn tám vạn bốn ngàn pháp uẩn (pháp môn), được Đức Thế Tôn giảng thuyết dưới nhiều hoàn cảnh, nhiều căn cơ, nhiều thời gian, nhiều đối tượng khác nhau... đã được các thế hệ thiền sư Việt Nam và thiền sư nhà Trần vận dụng một cách uyển chuyển, thích ứng. Nhờ dung hòa, không phân biệt, mà thiền sư không quá bị kẹt vào các pháp hữu vi sinh diệt; có thể hòa quang đồng trần, cư trần lạc đạo. Vì thế giới hình tướng đều trong nhị nguyên, thật khó mà thể nhập thực tướng chân như. Dưới đôi mắt thiền học “mê ngộ bất nhị”, phá chấp, kiến tánh, dung hợp các thiền sư thời Trần còn tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng *Bát nhã, tánh Không, Trung đạo* của kinh điển Đại thừa và các bộ luận Đại thừa, kế thừa và phát triển tinh thần thiền học của Tổ sư xuất sắc để mang đến hơi hướng mới mẻ và tích cực cho sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm, phù hợp với nước nhà.

2.3. Dung hợp để đáp ứng hoàn cảnh thực tiễn

Đức Phật xuất hiện trong hoàn cảnh xã hội Ấn Độ cổ đại rối ren, chế độ phân biệt giai cấp gay gắt, tư tưởng thần quyền thống lĩnh đời sống con người. Thiền tông được đánh dấu bằng sự truyền pháp giữa bảy đức Phật quá khứ đến Phật Thích Ca Mâu Ni, đến Tổ Ma - ha Ca - diếp thứ nhất, đến tổ Bát - nhã - đa - la thứ hai mươi bảy ở Ấn Độ; sau truyền đến năm vị tổ Đông Độ, tiếp đến tổ Huệ Năng. Yếu chỉ của Tổ sư Đạt - ma “trực chỉ”, “bất lập văn tự”. Thiền Tông chú trọng khế cơ - khế lý - khế thời, lấy tâm ấn làm đầu, không chấp tướng, các phương thức truyền thừa rất phong phú.

Phật giáo truyền vào Việt Nam từ cuối thế kỷ I - đầu thế kỷ thứ II Tây lịch, từ Ấn Độ và Trung Quốc. Trung tâm Luy Lâu của quận Giao Chỉ từ năm 111-106 TCN đã lưu giữ nhiều dấu tích Phật giáo mang tinh thần “dung hợp”; là trung tâm văn hóa, kinh tế chính trị, tôn giáo nổi tiếng thời đó của Việt Nam, sánh ngang với trung tâm Bành Thành và Lạc Dương của Trung Quốc. Đến thế kỷ thứ IV - V, Phật giáo Việt Nam tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ từ Phật giáo Trung Quốc, đến thế kỷ VI đã nhất quán tư tưởng Thiền kết hợp Mật giáo qua dòng Tỳ - ni - đa - lưu - chi, “tổng trì Tam ma địa” vào Hệ Tứ Pháp. Trải qua 10 thế kỷ, đạo Phật luôn được dung hợp, bản địa hoá tại Việt Nam; sau chiến thắng Bạch Đằng năm 939, từ triều đại Đinh, Lê, Lý - Trần, Phật giáo chức năng trước kia chuyển sang thế sự, tiếp tục tinh thần dung hợp.

Giai đoạn cuối đời Lý đầu đời Trần, nước ta phải đối diện với nhiều vấn đề khủng hoảng. Nhằm cứu vãn tình hình, các thiền sư giai đoạn này đã rất linh hoạt sáng tạo khi đi tìm một hướng phát triển mới cho Phật giáo để Phật giáo vừa giữ vững vừa tồn tại được trong lòng dân tộc. Thiền phái Trúc Lâm ra đời với sự thống nhất ba dòng thiền: Tỳ - ni - đa - lưu - chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường và các tín ngưỡng bản địa “thành lập nên một Giáo hội Phật giáo thống nhất : Phật giáo Nhất tông” [7; tr.9], với đặc điểm là trộn hòa và dung

thông cả Thiên - Tịnh - Mật, Nho - Lão - Phật, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong công cuộc xây dựng đất nước, hình thành nhân cách con người; từ đây Phật giáo Việt Nam mới thực sự phát triển có hệ thống, có tông chỉ rõ ràng.

Thiền phái Tỳ - ni - đa - lưu - chi có tư tưởng bắt nguồn từ tinh thần *Bát - nhã, Tam luận, Hoa Nghiêm*, thiên về *Mật giáo*. “Đây là một thiền phái rất có tính cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo vừa biểu lộ được đời sống thực tế và đơn giản của quần chúng” [8; tr.111]. Bởi tính dung hợp này mà thiền phái nhanh chóng được nhà Trần tiếp thu, “bất lập văn tự” nhưng vẫn chú trọng nghiên cứu kinh - luận, lại tích cực nhập thế giúp đời. Thiền phái Vô Ngôn Thông có nguồn gốc từ phái thiền của ngài Huệ Năng (638 - 713) ở Trung Quốc, *Kinh Pháp Bảo Đàn* là y cứ. Thiền học dưới thời nhà Trần tiếp thu ở tinh thần “đốn ngộ”. Thiền phái Thảo Đường có nguồn gốc từ thiền sư Thảo Đường người Trung Quốc. Phật giáo Trúc Lâm thời Trần đã tiếp thu tư tưởng thiền của Thảo Đường bằng việc tổng hợp cả *Thiền tông* và *Tịnh độ*, đã giúp Phật giáo trở nên gần gũi, phổ thông.

Thiền phái Trúc Lâm được thành lập, có nguồn gốc trực tiếp là bắt nguồn từ thiền sư Viên Chứng (tức là thiền sư Đạo Viên, Trúc Lâm Quốc Sư) ở Yên Tử - người đã khai ngộ cho vua Trần Thái Tông để đặt nền tảng cho việc thành lập Thiền phái Trúc Lâm. Thiền phái Trúc Lâm cũng đã “kế thừa thiền tông thời Lý, dung hòa cả Thiên và Tịnh độ, cả đốn ngộ và tiệm ngộ; truyền đạo vừa bằng công án hiểm hóc vừa bằng sự diễn giảng tỏ rõ và chí thiết, phần nào đi ra ngoài truyền thống “vô ngôn” của Thiên. Tinh thần này mở đầu với Trần Thái Tông và được kế tiếp bởi Tuệ Trung, Trần Nhân Tông, Pháp Loa... tạo thành một Thiền phái riêng; khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời với quốc gia Đại Việt khi đó” [17; tr.4]. Các vua quan, tướng lĩnh, thiền sư thời Trần, như: Trần Thái Tông (1218 - 1277), Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230 - 1291), Trần Thánh Tông (1240 - 1290), Sơ Tổ Trần Nhân Tông (1258 - 1308), Nhị Tổ Pháp Loa (1284 - 1330), Tam Tổ Huyền Quang (1254 - 1334)... đã rất sáng suốt khi ứng dụng Phật giáo dung hợp vào giải quyết các vấn đề của đất nước và phổ quát Phật giáo sâu rộng trong nhân gian.

Đường lối tu thiền đời Trần bắt đầu định hình từ vua Trần Thái Tông, sau này Trần Nhân Tông đã thống nhất các Thiền phái về một mối, xây dựng hệ thống *thiền - giáo* song hành, dung hợp với Thiền tông Ấn Độ và Trung Hoa, pha trộn Mật tông cùng những tín ngưỡng dân gian, đồng thời còn vận dụng *Tam giáo đồng nguyên*, Thiên - Tịnh - Mật, những “ảnh hưởng của Lão Trang và những tư tưởng đặc biệt, sáng suốt của dân tộc Việt Nam trong điều kiện sống riêng của mình” [17; tr.4]. Thiền phái Trúc Lâm thời Trần “là một thiền phái rất có tính cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo” [8; tr.111], đưa thiền học thời Trần trở nên sống động và dễ tiếp cận; tiếp tục kế thừa tinh thần thiền tông trước đó và phát huy tích cực những điểm sáng tạo, tiếp thu tinh thần thiền tông với các bộ kinh Đại thừa, như: *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng già, Kim Cang, Lăng Nghiêm, Bát Nhã...*

Thiền tông đời Trần từ Trần Thái Tông về sau, Tịnh độ và Thiền tiếp tục hòa hợp, dung hòa tiếp cả Khổng giáo, Lão giáo. Điểm đặc biệt để Phật giáo du nhập, “bản địa hóa” tại Việt Nam là tinh thần bất bạo động. “Mối quan hệ giữa Phật giáo và chính quyền phong kiến qua các triều đại bao giờ cũng có sự gắn kết” [6; tr.46]. Có thể nói rằng, Thiền tông từ Trung Quốc vào Việt Nam, từ thời Lý đến thời Trần đã có nhiều sự sáng tạo trên tinh thần kế thừa chánh pháp, mà vẫn phù hợp với lịch sử phát triển tư tưởng của dân tộc. Các thiền sư Thiền phái Trúc Lâm thời Trần đã tiếp tục kế thừa thiền của Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa,

đồng thời tiếp biến và phát huy các đặc sắc của thiền, khiến thiền siêu xuất mà vẫn phù hợp với hoàn cảnh quốc gia, con người Đại Việt.

2.4. Kết quả dung hợp tạo nên sức mạnh cho Đại Việt và Phật giáo phát triển

Pháp tu căn bản từ khi Phật giáo có mặt tại nước ta chủ yếu là thiền. Thiền học Trúc Lâm thời Trần là đỉnh cao của sự phát triển Phật giáo tại Việt Nam, góp phần thúc đẩy mọi mặt của Đại Việt; mang tính nhập thế tích cực. Với pháp thiền dung hợp, sáng tạo, không xung đột với các hệ tư tưởng khác, vô trụ, phá chấp, kiến tánh, thiền học thời Trần đã góp phần tập hợp được sức mạnh tập thể, giải quyết các nhiệm vụ thời đại.

Tinh thần nhập thế có từ khi đạo Phật du nhập vào Việt Nam, từ tác phẩm “*Lý hoặc luận*” của Mâu Tử. Phật giáo thời Trần vừa hướng nội chuyên tu, vừa nhập thế. Dưới sự chỉ dạy của Quốc sư, Trần Thái Tông vừa lo việc nước vừa học đạo. “Các vua đầu thời Trần đã lấy ý muốn của nhân dân làm ý muốn của mình” [1; tr.239]; các thiền sư chuyên tu nhưng vẫn “gánh vác việc đời, không xa lánh cõi đời” [12; tr.1243]. Đó chính là tinh thần như đức Phật khuyến khích hàng đệ tử “Hãy ra đi, các Tỳ-kheo đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem lại hạnh phúc cho nhiều người. Hãy đem lại sự tốt đẹp lợi ích vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Mỗi người hãy đi một ngã” [2, I; tr.126]. Việc các thiền sư thời Trần dần thân nhập thế hay việc đưa thiền vào phổ quát thế gian chính là lý tưởng Bồ - tát đạo. Thiền học của Thiền phái Trúc Lâm thời Trần vì vậy mà gắn bó mật thiết với chính trị, văn hóa, xã hội. Phần lớn các thiền sư đều “tùy duyên bất biến”, tham gia lao động sản xuất, cúng lễ, giảng kinh, dạy học, hướng chúng sanh đi tìm chân lý Phật nằm ngay trong cuộc sống: “*Minh ngồi thành thị nét dựng sơn lâm/ Muốn nghiệp an nhàn lặng an nhàn thể tính/ Nửa ngày tự tại thân tâm/ Ta hiểu đời là thành thị, đạo là sơn lâm*” (*Cư trần lạc đạo phú, hồi thứ II*) [18; tr.58].

Phật giáo thời Trần dung hợp đạo đời, chủ trương ai cũng có khả năng để thành Phật, không cần lên núi, rất đặc biệt. Vì tư tưởng Thiền học Trúc Lâm cho thấy trong bản thể chân như không có sự khác biệt giữa phàm thánh, Phật và chúng sanh, sanh tử và niết bàn, phiền não và bồ đề; phá chấp, hư không diệu hữu, hòa quang đồng trần, cư trần lạc đạo; tự tại, đề cao sự giác ngộ của tâm thức, linh hoạt uyển chuyển. Nhờ dung hợp, thời Trần có “những con người rất lạ, làm vua mà có thể lìa bỏ ngai vàng dễ như “trút bỏ chiếc giày rách”... dám tin dùng tuyệt đối con của kẻ từng thù địch với mình. Làm tướng vì an nguy quốc gia sẵn sàng dẹp bỏ tự ái cá nhân, làm hòa với người từng hiềm khích. Làm bà hoàng, quyền thống lĩnh tam cung mà luôn giữ đức, chăm nuôi yêu dấu con các phi tần như con đẻ của mình, làm bề tôi lấy trung nghĩa làm đầu, không vì thù riêng của gia đình mà hại vua, nắm quyền uy tột đỉnh, được ân sủng đặc biệt mà vẫn giữ trọn đạo làm tôi” [16; tr.1]. Với sức mạnh biện tâm và đoàn kết từ tinh thần dung hợp Tam giáo, dung hợp các pháp tu, dung hợp đạo đời, trong vòng 30 năm (1258 - 1288), nhà Trần đã ba lần đánh tan quân xâm lược Nguyên Mông hùng mạnh nhất thế giới và “là một trong những cường quốc Đông Nam Á” [14; tr.130]. Thành quả này có được nhờ công rất lớn của các thiền sư, vua quan, tướng lĩnh, tầng lớp trí thức và dân chúng ưu ái vận dụng tư tưởng Phật giáo vào vấn đề an dân hộ quốc, khiến “vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức” [7; tr.94].

Nhờ tinh thần dung hợp, giáo dục Tam giáo phát triển. Tinh thần Phật giáo “tùy duyên bất biến”, tương đồng tư tưởng “hòa nhi bất đồng” của Nho gia và “hòa quang đồng trần” của Lão Trang. Giáo dục Tam giáo được quan tâm, văn học Phật giáo cũng thịnh hành. Theo

Thích Phước Đạt, “có đủ cơ sở để lý giải sự phát triển không ngừng nền văn học Phật giáo thời kỳ này, nhất là văn học Phật giáo góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc” [6; tr.222]. Và “sự xuất hiện chữ Nôm đáng được coi như một cái mốc lớn trên con đường tiến lên của lịch sử” [10; tr.515-516]. Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông sáng tác nhiều, thể hiện “ý thức về tính cách vô thường của cuộc sống và thao thức sự giải thoát tự tại” [15; tr. 10]. Nhà Trần tập hợp sức mạnh toàn dân bằng mở rộng dung hợp nền giáo dục trên nhiều nội dung; ngoài dạy chữ Nho và sử, còn mở thêm các trường học tại địa phương; về đào tạo Phật học, hai cơ sở chính là Tổ đường Vĩnh Nghiêm và Trúc Lâm Yên Tử.

Có thể nói, Thiền phái Trúc Lâm “là một thiền phái rất có tính cách dân tộc Việt Nam, vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo vừa biểu lộ được đời sống thực tế và đơn giản của quần chúng nghèo khổ” [8; tr.111]. Tuệ Trung là một trong những người có công đặt nền móng cho thiền phái Trúc Lâm ra đời. Tư tưởng thiền học dung hợp góp phần xây dựng thời Trần “là thời đại phục hưng thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, thời đại phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để phát triển đất nước và là thời đại khoan giải, an lạc, nhân thứ, rộng mở và dân chủ” [11; tr.9]. Phật giáo đã tác động rất lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục của cả nước. Thời Trần “là thời đại phục hưng thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, thời đại phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để phát triển đất nước và là thời đại khoan giải, an lạc, nhân thứ, rộng mở và dân chủ” [11; tr.9]. Cuộc sống sinh hoạt của các thiền sư gắn bó chặt chẽ với sinh hoạt của dân chúng, hộ quốc cho dân tộc. Những nhân vật kiệt xuất đều là những người thuộc hàng vua quan, các thiền sư, trí thức. Thiền học Trúc Lâm không chỉ giới hạn cho giới tu sĩ, Phật tử cư sĩ, hay ở trong chùa mà cho tất cả mọi đối tượng không phân biệt tôn giáo, nơi chốn, chỉ cần hướng đến mục tiêu giác ngộ, thấy tánh thành Phật. Có được chính là do vận dụng tinh thần dung hợp, hài hòa trong mọi lĩnh vực, bình đẳng kiến tánh, cốt ở biện tâm. Chính nhờ tinh thần dung hợp thiền học của Thiền phái Trúc Lâm đã tạo ra những con người vô ngã từ bi, có tầm nhìn xa trông rộng, góp phần tạo nên những trang sử hào hùng đẹp đẽ cho đất nước và cho Phật giáo.

3. KẾT LUẬN

Thiền Phật giáo bắt nguồn từ Phật giáo Ấn Độ, sau này lan truyền ra nhiều nơi trên thế giới. Khi vào Việt Nam, chư vị Tổ sư đã linh động dung hợp thiền với nhiều yếu tố bản địa; nhưng nhìn chung cốt lõi của thiền, nền tảng căn bản của lời Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni vẫn được giữ nguyên, hướng đến giác ngộ giải thoát luân hồi. Quá trình truyền thừa thiền phái Trúc Lâm thời Trần là: Sơ Tổ Trần Nhân Tông, Nhị Tổ Pháp Loa, Tam Tổ Huyền Quang. Trần Nhân Tông đã kết hợp cả ba dòng Thiền Tỳ - ni - đa - lưu - chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, trở thành thiền phái duy nhất đời Trần, mang đậm nét dân tộc Việt, dần thân vào cuộc đời. Việc ra đời của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử biểu lộ tính độc lập dân tộc, tránh thân ngoại, hướng đến thống nhất ý thức hệ, xây dựng một tôn giáo mới phù hợp với hoàn cảnh nước nhà.

Thời Trần là triều đại huy hoàng, đánh dấu bước ngoặt căn bản trong tư duy, nhận thức của người Việt. Phật giáo thời này được coi là quốc đạo và đã thống nhất cộng đồng, đưa đến sự bình đẳng, dân chủ, khoan dung, giải quyết các vấn đề thực tiễn. Thiền phái với những tư tưởng phá chấp, đốn ngộ, lấy tâm truyền tâm, trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành

Phật, biện tâm, cư trần lạc đạo, tùy duyên bất biến, hòa quang đồng trần, sự - lý viên dung; với sự dung hợp Thiên - Tịnh - Mật, thiên - giáo song hành, Tam giáo (Nho - Lão - Phật) đồng nguyên... đã tích cực nhập thế, tạo ra sức mạnh tổng hợp. Sự dung hợp chính là nét đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Thiên học thời Trần tiếp nhận nhiều nguồn hệ phái, nhiều pháp tu khác nhau trên tinh thần dung hòa có chọn lọc, không chấp tướng, chủ trương thành Phật ngay tại cuộc đời. Điều này đã tạo ra mẫu người Đại Việt: các vua quan thời Trần đồng thời cũng là nhà thiên học, nhà Phật học, nhà triết học, nhà chính trị gia; tên tuổi gắn liền với Đại Việt hùng cường mang hào khí Đông A.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Phật giáo Việt Nam - Ban Phật học chuyên môn (1992), *Thiên học đời Trần*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Thích Minh Châu (dịch) (1996), *Trường Bộ Kinh*, Tập I, II, Nxb. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1988), *Thơ văn Lý - Trần*, Tập 2, Quyển thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (1995), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Lê Anh Dũng (1994), *Con đường Tam giáo Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Lý Việt Dũng (dịch giải), (2003), *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, Nxb. Mũi Cà Mau, Cà Mau.
- [7] Thích Phước Đạt (2013), *Giá trị văn học trong tác phẩm của Thiên phái Trúc Lâm*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Lang (2019), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, toàn tập, Nxb. Phương Đông, thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Nguyễn Công Lý (2003), *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần, diện mạo và đặc điểm*, Nxb. Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Thích Thông Phương (2004), *Kinh Kim Cương giảng lục*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [11] Quảng Tánh (Biên soạn) (2011), *Lời Phật dạy trong kinh tạng Nikaya*, Nxb. Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Quảng Thảo (2007), *Chân dung con người trong thơ Thiên Lý - Trần*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Khắc Thuần (2000), *Nước Đại Việt thời Lý - Trần*, Nxb. Thanh niên, thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Thích Thanh Từ (1997), *Tam Tổ Trúc Lâm giảng giải*, Thiên Viện Thường Chiếu, Đồng Nai.
- [15] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 2, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

- [16] Viện sử học (1981), *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [17] Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [18] Viện Văn học (1982), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Quyển thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

THE SPIRIT OF HARMONY ON TRUC LAM MEDITATION STUDIES UNDER THE TRAN DYNASTY

Dang Thi Dong (Thich Nu Vien Giac)

ABSTRACT

The Tran Dynasty was a glorious dynasty, marking a fundamental turning point in the thinking and perception of Vietnamese people. Buddhism at this time was considered the national religion. Buddhism of Truc Lam advocated the fusion and harmony of Confucianism, Buddhism and Laoism, along with folk beliefs, and combination among practices of different religions, expressing the spirit of selflessness, non-attachment, and transcendence of Zen Buddhism. In terms of harmonious feature, thoughts of Truc Lam meditation under the Tran dynasty has met the need of different classes of the masses. The purpose of integration is to find a common voice, having a great contribution to ideological stability, unification of the entire people, creation of synergy in the context of the times, meeting historical requirements, and building a great nation of Vietnamese independence with self-control in all fields. The spirit of Zen Buddhism of Truc Lam was absorbed and influenced by the Mahayana meditation and previous Zen studies, though there was creativity, it still basically kept the essence of the Buddhism.

Keywords: *Buddhism Truc Lam, harmony, Confucianism-Buddhism-Laoism, selflessness, Zen Buddhism, Tran dynasty, development.*

* Ngày nộp bài: 28/9/2021; Ngày gửi phản biện: 5/10/2021; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022